

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2025
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- *Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên**.

2. Bà **Thái Ánh Trinh**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đieu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tnh phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, Tnh phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Ngọc Chi** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tnh phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lương Thị Ngọc M**, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực TP1, phường TH, quận Thốt Nốt, Tnh phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực TP1, phường TH, quận Thốt Nốt, Tnh phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1996, qua tìm hiểu bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân nhưng không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ suy nghĩ cho đến tình cảm đều trái ngược nhau đến tháng 01/2024 bà và ông T chính thức sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn

gắn nên bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T. Ngoài ra, bà yêu cầu được xét xử vắng mặt.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Về hôn nhân ông thống nhất ý kiến trình bày của bà M về thời gian tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn như bà M trình bày. Về thời gian vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng đúng. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm nên qua yêu cầu ly hôn của bà M ông đồng ý và ông yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông T, bà M thống nhất có 02 người con chung tên Nguyễn Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 18/11/1997 và Nguyễn Thị Ngọc T (giới tính: nữ), sinh ngày 12/03/2008. Khi ly hôn bà M, ông T thống nhất tiếp tục giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T cho bà M trực tiếp nuôi con, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Văn T hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà M thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân - không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lương Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn T. Về con chung - giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung Nguyễn Văn T đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không có yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Lương Thị Ngọc M và bị đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét bà Lương Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và chung sống từ năm 1996 nhưng trong quá trình chung sống cho đến nay ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông M có đơn yêu cầu ly hôn với ông T nên Tòa án thụ lý theo thủ tục chung và áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lương Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn T.

[3] *Về con chung*: Ông T, bà M có hai người con chung tên Nguyễn Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 18/11/1997 và Nguyễn Thị Ngọc T (giới tính: nữ), sinh ngày 12/03/2008. Khi ly hôn ông T, bà M thống nhất giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T cho bà M trực tiếp nuôi con, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và cháu T có nguyện vọng được sống với bà M; Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T cho bà M trực tiếp nuôi con, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với con chung Nguyễn Văn T các đương sự xác định con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không có yêu cầu, vì vậy Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà M, ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Lương Thị Ngọc M phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Tuyên án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lương Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Ông bà có hai người con chung tên Nguyễn Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 18/11/1997 và Nguyễn Thị Ngọc T (giới tính: nữ), sinh ngày 12/03/2008. Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở. Ông T, bà M có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con. Đối với con chung Nguyễn Văn T đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị Ngọc M phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận

Thốt Nốt, Tnh phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0002754 ngày 29/5/2025 được chuyển Tnh án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Kim Hưng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Kim Hưng